

Bản án số: 160 /2021/DS-ST

Ngày: 08-12-2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thu Hảo;
2. Ông Nguyễn Văn Trương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị M, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn VB, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

- Bị đơn:

1. Bà Bùi Kim T, sinh năm 1968 (có mặt);
 2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1965 (có mặt);
- Cùng địa chỉ: ấp LB, xã LC, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1966 (có mặt);
2. Bà Đặng Thị Kim Th, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TH, xã ĐT, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Đặng Thị M trình bày: Ngày 15/01/2021, bà có cho vợ chồng bà T và ông P vay số tiền 2.835.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng) để làm ăn, hẹn trong thời hạn 06 tháng trả vốn, lãi suất 2%/tháng. Hai bên có làm biên nhận do bà viết có bà T đọc lại đồng ý ký tên và ghi họ tên vào biên nhận cho mượn tiền. Đến hạn trả tiền, bà có liên hệ bà T để đòi tiền nhiều lần nhưng bà T và ông P vẫn không trả. Từ khi vay đến nay bà T và ông P chưa trả bất kỳ khoản vốn hay lãi nào cho bà. Hiện nay bà rất cần số tiền trên để xoay sở công việc nên yêu cầu bà Bùi Kim T và ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm trả cho bà số tiền 2.835.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất chậm trả 0,83%/ tháng tính từ ngày 15/01/2021 đến ngày xét xử, tạm tính là 235.305.000 đồng (tạm tính từ ngày 15/01/2021 đến ngày 15/10/2021 là 10 tháng). Tổng số tiền vợ chồng bà Bùi Kim T và ông Nguyễn Văn P phải trả cho bà là 3.070.305.000 đồng (Ba tỷ không trăm bảy mươi triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn bà Bùi Kim T trình bày: Trước đây bà có mượn tiền của bà M nhiều lần, cụ thể số tiền gồm 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng) tiền vay và 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu) tiền hụi. Tổng cộng tôi thiếu nợ bà M là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Đến ngày 15/01/2021 tôi và bà M có tổng kết nợ, chữ viết trên biên nhận cho mượn tiền không phải do bà viết, thực tế bà chỉ thiếu nợ bà Mai 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), còn số tiền 335.000.000 đồng trên biên nhận cho mượn tiền là tiền gì thì bà không biết. Từ ngày ký biên nhận cho mượn tiền là ngày 15/01/2021 đến nay tôi không có trả cho bà M bất kỳ khoản tiền vốn hay lãi. Bà có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận cho mượn tiền ngày 15/01/2021. Hiện tại bà không có công việc nên bà xin được cùng chồng ông Nguyễn Văn P trả dần cho bà M số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với số tiền lãi 235.305.000 đồng theo đơn khởi kiện của bà M, do hiện tại bà khó khăn nên xin được không trả.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Trước đây giữa vợ ông và bà M có qua lại mượn tiền như thế nào thì ông không rõ. Đến tháng 7/2021 thì bà M cho ông biết là vợ ông có thiếu nợ bà M nên ông hứa sẽ bán tài sản để trả nợ nhưng sau khi biết thì số nợ quá lớn nên không có khả năng trả. Ông thống nhất với lời trình bày của vợ là bà T. Ông đồng ý cùng bà T trả cho bà M số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Do hoàn cảnh hiện tại khó khăn nên tôi xin trả cho bà M mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với số tiền lãi 235.305.000 đồng theo đơn khởi kiện của bà M, do hiện tại khó khăn nên xin được không trả.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Đặng Thị M yêu cầu vợ chồng ông P và bà T trả cho bà số tiền vốn là 2.835.000.000 đồng và tiền lãi là 253.345.000 đồng (mức lãi suất yêu cầu là

0,83%/tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 15/01/2021 đến ngày xét xử 08/12/2021), tổng cộng số tiền vốn và lãi là 3.088.345.000 đồng, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Vợ chồng ông P và bà T đồng ý trả cho bà M số tiền vốn 2.835.000.000 đồng, xin không trả lãi, do hoàn cảnh kinh tế hiện khó khăn không có khả năng trả một lần nên vợ chồng ông P, bà T xin trả dần mỗi tháng với số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn kiện bị đơn có nơi cư trú ấp LB, xã LC, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số tiền vay:

Tại phiên tòa hôm nay bà M và vợ chồng ông P, bà T thống nhất số tiền nợ theo biên nhận cho mượn tiền đề ngày 15/01/2021. Vợ chồng ông P và bà T đồng ý trả cho bà M số tiền vốn 2.835.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự cũng phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Xét về thời gian và phương thức trả nợ:

Bị đơn có yêu cầu được trả dần số nợ trên bằng hình thức trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận. Xét thấy việc kéo dài thời gian trả nợ sẽ thiệt thòi quyền lợi nguyên đơn. Mặc khác, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên yêu cầu của bị đơn không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.3] Về tiền lãi:

Theo biên nhận cho mượn tiền ngày 15/01/2021, các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, trả vốn và lãi một lần. Nguyên đơn và bị đơn khai thống nhất từ khi vay đến nay bị đơn chưa trả lãi cho nguyên đơn. Nay bị đơn xin không trả lãi, yêu cầu này không được phía nguyên đơn chấp nhận. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định "...khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên

cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Đối chiếu với quy định trên thì bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83% tháng từ ngày vay (ngày 15/01/2021) đến ngày vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm (ngày 08/12/2021) thời gian 10 tháng 23 ngày, là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận. Do đó, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi là: $2.835.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 23.530.500 \text{ đồng/tháng}$ (tương ứng 784.350 đồng/ngày); $2.835.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 253.345.000 \text{ đồng}$.

Từ các cơ sở phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

- Bị đơn phải chịu 93.766.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được giảm án phí theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Như vậy, bà Bùi Kim T và ông Nguyễn Văn P phải nộp 46.883.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 238, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M.

Buộc bà Bùi Kim T và ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị M số tiền 2.835.000.000 đồng (Hai tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng) vốn gốc và 253.345.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi. Tổng cộng số tiền vốn và lãi là 3.088.345.000 đồng (ba tỷ không trăm tám mươi tám triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Đặng Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Bùi Kim T và ông Nguyễn Văn P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng bà T và

ông P còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Về án phí sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.352.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006501 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC.

- Bà Bùi Kim T và ông Nguyễn Văn P phải chịu 46.883.450 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Thu Thúy